

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Cho kỳ kế toán Quý III.2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		33.913.724.230	25.699.783.814
110	I. Tiền	4	11.835.524.687	7.969.628.617
111	1. Tiền		11.835.524.687	7.969.628.617
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.294.200.000	300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	1.294.200.000	300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.683.631.742	9.194.967.258
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	5.076.931.914	4.252.450.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.110.710.900	3.226.097.072
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.495.988.928	1.716.419.622
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		12.100.367.801	8.235.187.939
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	351.198.339	91.583.693
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.749.169.462	8.143.604.246
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		144.793.803.315	105.256.928.440
220	I. Tài sản cố định		141.297.632.062	16.463.938.003
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	126.673.017.048	1.839.322.989
222	- Nguyên giá		135.605.610.075	7.019.106.990
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-8.932.593.027	-5.179.784.001
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	14.624.615.014	14.624.615.014
228	- Nguyên giá		14.624.615.014	14.624.615.014
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		0	0
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		0	85.190.752.814
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12		85.190.752.814
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	702.545.910	1.779.412.618
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		702.545.910	785.212.618
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		0	994.200.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.793.625.343	1.822.825.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	2.793.625.343	1.822.825.005
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		178.707.527.545	130.956.712.254

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		126.261.385.558	72.909.200.557
310	I. Nợ ngắn hạn		45.795.107.484	51.019.200.557
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	10.655.649.115	19.525.496.583
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.479.673.261	272.806.968
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	20.912.264	164.645.469
314	4. Phải trả người lao động		793.449.387	1.004.198.855
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		77.159.446	33.396.859
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	227.480.000	270.686.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.987.515.277	357.979.853
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	29.000.000.000	29.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	553.268.734	389.989.970
330	II. Nợ dài hạn		80.466.278.074	21.890.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	80.466.278.074	21.890.000.000
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		52.446.141.987	58.047.511.697
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	52.446.141.987	58.047.511.697
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		31.500.000.000	31.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	31.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.878.400.693	2.472.870.806
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.674.741.294	23.681.640.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.670.611.004	15.571.043.143
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		-4.995.869.710	8.110.597.748
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		178.707.527.545	130.956.712.254

Người lập/ Kế toán trưởng



Đặng Thị Lành

Lập, Ngày 30 Tháng 9 năm 2022

Tổng giám đốc



Nguyễn Tấn Mẫn

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUY III /2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	QUY III.2022		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	20.1	14.104.787.651	19.046.776.871	51.311.844.929	44.358.493.382
11	2. Giá vốn hàng bán	21	-14.583.052.530	-17.460.901.552	-51.677.813.036	-39.561.085.894
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		-478.264.879	1.585.875.319	-365.968.107	4.797.407.488
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	38.379.556	6.106.987.233	1.231.849.102	6.212.755.582
22	5. Chi phí tài chính		-1.931.429.478	-40.515.670	-3.626.916.861	-44.015.943
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-1.931.405.029	-	(3.616.265.587)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	-692.512.360	-618.175.298	-2.242.241.251	-1.922.866.790
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		-3.063.827.161	7.034.171.584	-5.003.277.117	9.043.280.337
31	8. Thu nhập khác	23			7.407.407	900.000.000
32	9. Chi phí khác	23	-	-	-	-477.310.502
40	10. Lợi nhuận khác	23	-	-	7.407.407	422.689.498
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-3.063.827.161	7.034.171.584	-4.995.869.710	9.465.969.835
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25		-1.406.834.316		-1.882.643.567
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-3.063.827.161	5.627.337.268	-4.995.869.710	7.583.326.268

Lập, ngày 30 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI LẬP/KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đặng Thị Lành

TỔNG GIÁM ĐỐC




Nguyễn Tấn Mẫn

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Gián Tiếp)

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/09/2022

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	9 tháng đầu năm 2022	9 tháng đầu năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(4.995.869.710)	9.465.969.835
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	9	3.802.809.026	295.142.105
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(76.402.121)	18.785.200
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.159.905.695)	(6.626.820.396)
06	- Chi phí lãi vay		3.616.265.587	
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.186.897.087	3.153.076.744
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.108.485.875)	(5.594.985.833)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(11.988.172.796)	(1.131.798.593)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.230.414.984)	197.642.576
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.479.215.332)	
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(131.810.870)	(303.852.725)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(442.221.236)	(244.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.193.424.006)	(3.924.417.831)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(38.849.942.726)	(32.033.144.703)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.404.407	900.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(994.200.000)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(990.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		82.666.708	9.273.515.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.152.501.288	114.403.280
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(37.607.370.323)	(23.729.426.423)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			15.750.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay	18.2	58.576.278.074	29.000.000.000
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(787.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		58.576.278.074	43.962.500.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.775.483.745	16.308.655.746
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.969.628.617	15.408.231.408
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		90.412.325	(20.537.788)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	11.835.524.687	31.696.349.366

Lập, ngày 30 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI LẬP/KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Mẫn

NGUYỄN TẤN MÃN

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp “GCNĐKDN”) số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 48 (ngày 30 tháng 09 năm 2021 là: 39)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích hao mòn.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ Đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
- Tiền mặt	119.690.147	478.092.262
- Tiền gửi ngân hàng	11.715.834.540	7.491.536.355
- Tiền đang chuyển	-	-
TỔNG CỘNG	11.835.524.687	7.969.628.617

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
- Tiền gửi ngân hàng	300.000.000	300.000.000
- Trái phiếu	994.200.000	-
TỔNG CỘNG	1.294.200.000	300.000.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư cuối quý thể hiện giá trị của 9.942 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương phát hành, mệnh giá 100.000VND/ trái phiếu và hưởng lãi suất 7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 1 năm 2023.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	702.545.910	785.212.618
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	994.200.000
TỔNG CỘNG	702.545.910	1.779.412.618

Chi tiết

(i) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
Tên công ty	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương	701.999.959	784.666.667
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	545.951	545.951
TỔNG CỘNG	702.545.910	785.212.618

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu từ các bên liên quan	105.103.631	146.856.110
Phải thu từ các bên khác	4.971.828.283	4.105.594.454
Công ty Kỹ Nghệ Lạnh Á Châu	-	1.244.504.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương	1.295.168.650	353.408.300
Các khách hàng khác	3.676.659.633	2.507.682.154
TỔNG CỘNG	5.076.931.914	4.252.450.564

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH MTV Pallet Đại Phát	94.608.000	-
Công Ty TNHH MTV Thủy Phúc Thắng		143.057.700
Trả khác	1.016.102.900	3.083.039.372
TỔNG CỘNG	1.110.710.900	3.226.097.072

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tạm ứng cho nhân viên	123.313.641	118.962.127
Ký quỹ, ký cược		75.000.000
Thu khác	2.372.675.287	1.522.457.495
TỔNG CỘNG	2.495.988.928	1.716.419.622

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	351.198.339	91.583.693
Chi phí mua bảo hiểm	176.107.352	
Chi phí thuê văn phòng	40.000.000	25.000.000
Công cụ dụng cụ	7.766.232	18.754.545
Chi khác	127.324.755	47.829.148
Dài hạn	2.793.625.343	1.822.825.005
Tiền thuê đất	1.254.440.439	1.433.646.216
Công cụ dụng cụ	1.469.433.648	254.938.536
Chi phí khác	69.751.256	134.240.253
TỔNG CỘNG	3.144.823.682	1.914.408.698

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
- Số dư đầu năm	5.046.235.903	246.434.468	1.726.436.619	7.019.106.990
- Mua trong năm	90.923.816.308	35.697.286.777	2.015.400.000	128.636.503.085
- Giảm trong năm		50.000.000		50.000.000
- Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2022	95.970.052.211	35.893.721.245	3.741.836.619	135.605.610.075
<i>Trong đó : Tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>				
	2.005.562.389	163.525.377	549.813.710	2.718.901.476
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Số dư đầu năm	(3.536.784.994)	(213.525.377)	(1.429.473.630)	(5.179.784.001)
- Khấu hao trong năm	(1.825.511.717)	(1.688.680.022)	(238.617.287)	(3.752.809.026)
- Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2022	(5.362.296.711)	(1.902.205.399)	(1.668.090.917)	(8.932.593.027)
Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
- Tại ngày đầu năm	1.509.450.909	32.909.091	296.962.989	1.839.322.989
- Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2022	90.607.755.500	33.991.515.846	2.073.745.702	126.673.017.048

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

				VND
Khoản mục	Nguyên giá	Tháng tăng giảm	Lý do	
Nhà cửa vật kiến trúc				
Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng	90.923.816.308	Tháng 4/2022		
Máy móc, thiết bị dụng cụ				
Cầu thang xoắn	179.506.000	01/11/2022	Mua mới	
Thang máy tải	418.181.818	27/1/2022	Mua mới	
Hệ thống PCCC	7.300.711.117	20/1/2022	Mua mới	
Bộ camera dây	30.000.000	23/2/2022	Mua mới	
Hệ thống kệ thép kho Mát	1.947.534.000	11/02/2022	Mua mới	
Hệ thống kệ thép kho Lạnh	10.107.550.909	12/02/2022	Mua mới	
Hệ thống năng lượng mặt trời	7.827.591.644	Tháng 4/2022	Mua mới	
Hệ thống Wifi	1.391.999.119	Tháng 4/2022	Mua mới	
Trạm điện	1.117.120.400	Tháng 4/2022	Mua mới	

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

Máy phát điện	3.777.385.530	Tháng 4/2022	Mua mới
Tủ điện	1.599.706.240	Tháng 4/2022	Mua mới
Máy bơm nước TOHATSU V30	50.000.000	Tháng 4/2022	Hư hỏng không sử dụng được
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.015.400.000		
Xe nâng điện (Hiệu : Komatsu)	279.000.000	23/02/2022	Đã qua sử dụng
Xe nâng điện (Hiệu : Linde) , Ký hiệu : T20SP, Số lượng : 4 xe	596.000.000	23/02/2022	Đã qua sử dụng
Xe nâng điện (Hiệu : Linde) ,Ký hiệu : R20SP- 12	545.000.000	23/02/2022	Đã qua sử dụng
Xe nâng điện (Hiệu : Linde) ,Ký hiệu : R20 HD -01	595.400.000	Tháng 4/2022	Đã qua sử dụng
TỔNG CỘNG	128.636.503.085		

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Quyền sử dụng đất	14.624.615.014	14.624.615.014
Tổng cộng	14.624.615.014	14.624.615.014

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Đây là các khoản chi phí xây dựng dự án Trung tâm Logistic Vinatrans Đà Nẵng tại khu công nghiệp Hòa Cẩm, quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng. Đến 30/6/2022, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay với số tiền là: 2.420.960.268đ. Các chi phí này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển Dự án.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH HAPAG - LLOYD (VIET NAM)	1.122.983.892	1.314.289.751
Công ty TNHH Hoàng Bảo Anh	157.960.000	-
Công Ty TNHH MTV XNK Ngôi Sao Mới	353.518.201	-
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Lạnh Á Châu	4.963.472.149	4.532.141.214
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Điện 3		3.444.000.000
Khác	1.887.064.163	8.479.937.188
Phải trả các bên liên quan	2.170.650.710	1.755.128.430
TỔNG CỘNG	10.655.649.115	19.525.496.583

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2022
Phải thu				
Thuế GTGT	8.143.604.246	3.605.565.216	-	11.749.169.462
Phải trả				
Thuế GTGT	-	6.074.521	(6.074.521)	-
Thuế TNDN	131.810.870		(131.810.870)	-
Thuế TNCN	32.834.599	75.449.392	(87.371.727)	20.912.264
Thuế đất	-	18.741.843	(18.741.843)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	164.645.469	104.265.756	(247.998.961)	20.912.264

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền trả trước về cho thuê kho, văn phòng	227.480.000	270.686.000
TỔNG CỘNG	227.480.000	270.686.000

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền cọc	285.000.000	285.000.000
Bảo hiểm xã hội	50.195.697	68.843.432
Lãi vay	2.093.287.668	4.136.421
Phải trả khác	559.031.912	-
TỔNG CỘNG	2.987.515.277	357.979.853

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số đầu kỳ	389.989.970	2.626.494
Tăng trong kỳ	450.000.000	784.863.476
Giảm trong kỳ	(286.721.236)	(397.500.000)
Số cuối kỳ	553.268.734	389.989.970

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng đầu năm 2022 kết thúc ngày 30/09/2022

18. VAY

18.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Bên liên quan	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối kỳ	Ghi chú
Công ty Cổ phần Transimex	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	Lãi suất vay 7%/năm ; Kỳ hạn 12 tháng Ngày đáo hạn : từ 16/6/2023 đến 23/7/2023

18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng Shinhan Bank	21.890.000.000	58.576.278.074	-	80.466.278.074	Lãi suất vay 7%/năm ; Kỳ hạn 84 tháng Ngày đáo hạn : từ 26/1/2028 đến 06/12/2028
Tổng cộng	50.890.000.000	58.576.278.074	-	109.466.278.074	

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/09/2022

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	Tổng cộng
Số đầu năm	15.750.000.000	393.000.000	2.250.432.862	17.365.844.563		35.759.277.425
Tăng vốn	15.750.000.000	-	-	-		15.750.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.110.597.748		8.110.597.748
Trích lập quỹ	-	-	222.437.944	(1.007.301.420)		-784.863.476
Chia cổ tức	-	-	-	(787.500.000)		-787.500.000
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891		58.047.511.697
Kỳ này						
Số đầu năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891		58.047.511.697
Tăng vốn	-	-	-	-		0
Lợi nhuận trong	-	-	-	(4.995.869.710)		-4.995.869.710
Trích lập quỹ	-	-	405.529.887	(1.011.029.887)		-605.500.000
Chia cổ tức	-	-	-	-		0
	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	17.674.741.294		52.446.141.987

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

19.2 Vốn cổ phần

VND

Vốn góp của Cổ đông	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Vinafreight	8.784.000.000	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	8.784.000.000	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	7.084.600.000	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương	3.048.000.000	3.048.000.000
Cổ đông khác	3.799.400.000	3.799.400.000
TỔNG CỘNG	31.500.000.000	31.500.000.000

20. DOANH THU

VND

20.1 - Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

9 tháng năm 2022

9 tháng năm 2021

Doanh thu dịch vụ vận tải	46.434.518.747	41.763.390.888
Doanh thu cho thuê kho bãi	3.157.865.383	2.190.102.494
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.719.460.799	405.000.000
TỔNG CỘNG	51.311.844.929	44.358.493.382

Trong đó :

Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	623.131.593
---------------------------------------	-------------

20.2 - Doanh thu hoạt động tài chính

VND

9 tháng năm 2022

9 tháng năm 2021

Thu tiền bán chứng khoán	971.333.292	6.089.727.618
Lãi tiền gửi	75.815.996	52.445.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	105.352.000	52.752.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	79.347.814	17.830.164
TỔNG CỘNG	1.231.849.102	6.212.755.582

21. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

9 tháng năm 2022

9 tháng năm 2021

Giá vốn dịch vụ vận tải	42.863.126.667	38.390.134.917
Giá vốn cho thuê kho bãi	8.800.103.669	1.170.950.977
Giá vốn cho thuê văn phòng	14.582.700	-
TỔNG CỘNG	51.677.813.036	39.561.085.894

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	9 tháng năm 2022	9 tháng năm 2021
Chi phí lương nhân viên	1.495.851.294	1.192.521.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	197.743.869	177.505.719
Chi phí khấu hao và hao mòn	124.087.014	110.456.768
Chi khác	424.559.074	442.382.686
TỔNG CỘNG	2.242.241.251	1.922.866.790

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	9 tháng năm 2022	9 tháng năm 2021
Thu nhập khác	7.404.407	422.689.498
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	7.404.407	422.689.498
Chi phí khác	-	-
THU NHẬP KHÁC THUẦN	7.404.407	422.689.498

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

VND

	9 tháng năm 2022	9 tháng năm 2021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.885.094.031	35.205.829.211
Chi phí lương nhân viên	5.114.288.988	4.041.271.092
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.802.809.026	295.142.105
Chi khác	2.117.862.242	1.941.710.276
TỔNG CỘNG	53.920.054.287	41.483.952.684

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

VND

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế

	9 tháng năm 2022	9 tháng năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.465.969.835
Thuế TNDN theo thuế suất 20%		20%
Chi phí thuế TNDN		1.882.643.567

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2022 và cho 9 tháng kết thúc ngày 30/9/2022

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	9 tháng năm 2022	9 tháng năm 2021
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	2.766.447.664	1.633.456.821
		Lãi vay	1.518.328.797	
		Cung cấp dịch vụ	329.508.999	511.062.222
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ		114.450.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đông	Mua dịch vụ	200.826.924	364.903.512
		Cung cấp dịch vụ	44.051.671	11.985.300
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đông	Mua dịch vụ	195.088.746	68.267.370
		Cung cấp dịch vụ	249.570.923	267.604.595

Số dư công nợ các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan

VND

Phải thu khách hàng ngắn hạn

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	9 tháng năm 2022	9 tháng năm 2021
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	105.103.631	103.987.803
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ		125.895.000

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	2.161.133.510	418.330.000
		Lãi vay	2.093.287.668	425.369.861
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đông	Mua dịch vụ	2.292.000	66.747.787
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đông	Mua dịch vụ	7.225.200	1.650.000

Người lập / Kế toán
(Ký, họ tên)

[Chữ ký]

Dặng Thị Linh

Lập, ngày ...30... tháng ...9... năm 2022

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Tấn Mẫn